

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Du lịch, mã số ngành: 8810101.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Du lịch ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Du lịch học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

NGÀNH: DU LỊCH

MÃ SỐ : 8810101

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2868 /QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Du lịch

+ Tên tiếng Anh: Tourism

- Mã số ngành đào tạo: 8810101

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Du lịch

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Tourism

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Giúp người học có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành du lịch; Sau khi hoàn thành chương trình người học có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực Du lịch; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi;

có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Cung cấp những kiến thức thực tế, sâu rộng về khoa học du lịch, các vấn đề về phát triển du lịch bền vững, văn hóa trong quản lý và kinh doanh du lịch, quản trị nguồn nhân lực du lịch cũng như các kiến thức về các vấn đề chuyên sâu như quản lý lữ hành, marketing đi kèm đến du lịch. Cung cấp cho người học kỹ năng nghiên cứu khoa học du lịch, kỹ năng quản lý nhà nước và doanh nghiệp... nhằm giúp cho học viên có kiến thức toàn diện để có thể đánh giá, phân tích và tham gia giải quyết một số vấn đề đặt ra trong lĩnh vực du lịch.

- Cung cấp các kiến thức nền tảng để quản lý và phát triển các công việc trong lĩnh vực du lịch như: Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch, quản lý nhà nước về du lịch, thống kê ứng dụng trong du lịch, chiến lược phát triển doanh nghiệp du lịch, văn hóa quản lý và kinh doanh du lịch, quản trị nguồn nhân lực du lịch và phát triển du lịch bền vững; tư vấn du lịch.

- Bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức về du lịch; tăng cường kiến thức liên ngành trong du lịch; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực du lịch như văn hóa du lịch, địa lý du lịch, kinh tế du lịch, lữ hành, khách sạn, sự kiện... cũng như nâng cao kỹ năng vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề về du lịch.

- Cung cấp các kỹ năng quản lý, điều hành và kỹ năng triển khai các công việc cụ thể trong ngành du lịch.

- Cung cấp kỹ năng nghiên cứu, thống kê, hoạch định chiến lược trong lĩnh vực du lịch.

- Cung cấp tư duy và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp phát huy các phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐQHGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển:

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng, kinh nghiệm công tác

- Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp,

đồng thời yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực du lịch. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng kí xét tuyển.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học phù hợp 2 cần có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực du lịch, có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 3 cần có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực du lịch.

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu của chương trình đào tạo từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và ĐHQGHN chấp nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có).

3.2.4. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành luật từ mức cảnh cáo trở lên, không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khoẻ để học tập.

- Đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) theo yêu cầu của ĐHQGHN, theo từng năm xét tuyển.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

- Ngành phù hợp 2:

+ Ngành thuộc nhóm ngành: Du lịch, Khách sạn – nhà hàng, Địa lý học, Khu vực học, Kinh doanh, Kinh tế học, Quản trị - Quản lý, Xã hội học và nhân học, Báo chí và truyền thông;

+ Ngành: Lịch sử Việt Nam, Văn hóa học, Quản lý văn hóa ;

- Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành khác.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với ngành phù hợp 2 và ngành phù hợp 3

Đối tượng ngành phù hợp 2:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Quản trị kinh doanh khách sạn	3
2	Quản trị kinh doanh lữ hành	3
3	Tổng quan sự kiện	3
4	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	3
Tổng cộng:		12

Đối tượng ngành phù hợp 3:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1.	Nhập môn du lịch	3
2	Quản trị kinh doanh khách sạn	3
3	Quản trị kinh doanh lữ hành	3
4	Tổng quan sự kiện	3
5.	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	3
Tổng cộng:		15

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 30 học viên/1 năm).

- Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1 Kiến thức chung

PLO 1: Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học

1.2 Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

PLO 2: Vận dụng cơ sở lý luận và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến về du lịch các nguyên lý và học thuyết cơ bản vào lĩnh vực du lịch.

PLO 3: Phân tích kiến thức và hiểu biết về các vấn đề thực tiễn liên quan đến du lịch như: Chiến lược phát triển doanh nghiệp du lịch, Phát triển du lịch bền vững, Quy hoạch du lịch, Tư vấn du lịch...

PLO 4: Vận dụng mối quan hệ của du lịch với các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

PLO 5: Phân tích các kiến thức chung về quản trị và quản lý trong lĩnh vực du lịch: Quản lý nhà nước về du lịch, Quản trị nguồn nhân lực du lịch, Quản lý lữ hành, Quản lý khách sạn hiện đại, Quản trị lễ hội và sự kiện du lịch, Quản lý điểm đến du lịch...

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

PLO 6: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề về du lịch một cách khoa học .

PLO 7: Có kỹ năng truyền đạt tri thức về du lịch dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác .

PLO 8: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động liên quan đến du lịch một cách tiên tiến.

PLO 9: Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực du lịch .

2.2. Năng lực ngoại ngữ

PLO 10: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 11: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng trong lĩnh vực du lịch.

PLO 12: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong các lĩnh vực nghề nghiệp về du lịch.

PLO 13: Đưa ra những phát hiện, giải pháp, sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực du lịch.

PLO 14: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về du lịch.

4. Yêu cầu về luận văn

Nội dung luận văn phải vận dụng được khối kiến thức về lý thuyết chuyên ngành; phân tích, đánh giá, giải quyết, phát triển được vấn đề nghiên cứu đặt ra về mặt thực tiễn. Luận văn có tính cấp thiết, thời sự; có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn: Về lý luận, luận văn phải hệ thống được những lý luận cơ bản về vấn đề nghiên cứu, hoặc đề xuất được một số quan điểm, lý luận mới về vấn đề nghiên cứu; Về thực tiễn, luận văn phải đề xuất được những định hướng hoặc những giải pháp cụ thể nhằm giúp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về du lịch, công tác quản lý kinh doanh của doanh nghiệp du lịch theo hướng phát triển du lịch bền vững.

5. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Giảng viên ở các cơ sở đào tạo du lịch từ cao đẳng đến đại học; Nghiên cứu viên tại các cơ sở nghiên cứu về/có liên quan đến du lịch; Cán bộ tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch từ trung ương đến địa phương; Nhà quản lý, điều hành ở các công ty du lịch, lữ hành, vận chuyển, lưu trú, ăn uống...; Nhà quản lý, đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên; Các vị trí công việc khác trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ...

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Khả năng trở thành nghiên cứu sinh chương trình tiến sĩ ngành du lịch và các ngành liên quan khác.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **64** tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: **9** tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **31** tín chỉ
 - + Bắt buộc: 16 tín chỉ
 - + Tự chọn: 15 tín chỉ/ 31 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học: **24** tín chỉ
 - + Chuyên đề nghiên cứu: 12 tín chỉ
 - + Luận văn thạc sĩ: 12 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ B2* (chọn một trong các ngoại ngữ sau)		5	250	0	0	
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	250	0	0	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 <i>Russian B2</i>	5	250	0	0	
	FRE5001	Tiếng Pháp <i>French B2</i>	5	250	0	0	
	CHI5001	Tiếng Trung Quốc B2 <i>Chinese B2</i>	5	250	0	0	
	WES5001	Tiếng Đức B2 <i>German B2</i>	5	250	0	0	
	KOR5001	Tiếng Hàn B2 <i>Korean B2</i>	5	250	0	0	
	OLC5001	Tiếng Nhật B2 <i>Japanese B2</i>	5	250	0	0	
	THA5001	Tiếng Thái B2 <i>Thai B2</i>	5	250	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		31				
II.1	Các học phần bắt buộc		16				
3	TOU6202	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch <i>Tourism research methods</i>	4	45	30	125	
4	TOU6222	Quản lý Nhà nước về du lịch <i>State Management for Tourism</i>	3	30	30	90	

* Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
5	TOU6104	Chiến lược phát triển doanh nghiệp du lịch <i>Development Strategy for Tourism Companies</i>	3	30	30	90	
6	TOU6005	Văn hóa quản lý và kinh doanh du lịch <i>Cultural issues in Tourism management and business</i>	3	30	30	90	
7	TOU6030	Quản lý điểm đến du lịch <i>Tourism Destination Management</i>	3	30	30	90	
II.2	Các học phần tự chọn		15/30				
8	TOU6007	Phát triển du lịch bền vững <i>Sustainable Tourism</i>	3	30	30	90	
9	TOU6031	Quản trị nguồn nhân lực du lịch <i>Human Resource Management</i>	3	30	30	90	
10	TOU6103	Thống kê ứng dụng trong du lịch <i>Applied Statistics in Tourism</i>	3	30	30	90	
11	TOU6032	Quản lý lữ hành <i>Travel Management</i>	3	30	30	90	
12	TOU6218	Quản lý khách sạn hiện đại <i>Modern Hospitality Management</i>	3	30	30	90	
13	TOU6021	Quản trị lễ hội và sự kiện du lịch <i>Tourism Festival and Event Management</i>	3	30	30	90	
14	TOU6111	Di sản văn hóa trong du lịch <i>Cultural Heritage in Tourism</i>	3	30	30	90	
15	TOU6114	Đánh giá tài nguyên du lịch <i>Evaluation Methods of Tourism Resources</i>	3	30	30	90	
16	TOU6020	Quy hoạch du lịch <i>Tourism Planning</i>	3	30	30	90	
17	TOU6223	Tư vấn du lịch <i>Tourism Consultancy</i>	3	30	30	90	
III	Nghiên cứu khoa học		24				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu		12				
18	SSH6001	Các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã	4	30	15	155	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		hội và nhân văn <i>The Approaches and Research methods of Social Sciences and Humanities</i>					
19	SSH6002	Các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Schools in Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
20	TOU6035	Seminar nghiên cứu <i>Seminar</i>	4	15	45	140	
III.2	Luận văn thạc sĩ		12				
21	TOU7202	Luận văn thạc sĩ <i>Master Thesis</i>	12	0	30	570	
Tổng cộng			64				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá